

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2025/DS-ST

Ngày: 28-3-2025

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hữu Bình;

2. Ông Hồ Đức Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 499/2024/TLST- DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST-DS ngày 07/02/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Diệu H, sinh năm 1973; hộ khẩu thường trú: 114 C/c cư N, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Trọng M, sinh năm 1991; địa chỉ: 1 Nguyễn Thị N thuộc Khu đô thị V, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 16/8/2024).

- Bị đơn: Bà Huỳnh Bích N1, sinh năm 1998; hộ khẩu thường trú: ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương;

Nguyên đơn có mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 16/8/2024, quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn, đại diện nguyên đơn là ông M trình bày:**

Bà H và bà N1 có mối quan hệ thân thiết. Do cần vốn làm ăn nên bà N1 nhờ bà H cho vay tiền. Trước lời nhờ vả của bà N1 và sự tin tưởng vào điều kiện kinh tế hiện tại của bà N1 nên bà H đã đồng ý cho bà N1 vay khoảng 1.000.000.000 đồng. Theo thỏa thuận bà N1 chỉ vay ngắn ngày (*khoảng 01 tháng*) nên hai bên thống nhất sẽ không xác lập hợp đồng vay mượn và tất cả các vấn đề liên quan đến việc cho vay đều được ghi nhận qua nội dung chuyển khoản.

Sau đó, bà N1 tiếp tục mượn bà H và hứa hẹn sau khi việc kinh doanh ổn định, bà N1 sẽ chuyển nhượng tài sản đang đứng tên để trả đủ số tiền đã mượn cho bà H. Vì tin tưởng nên bà H tiếp tục chuyển tiền cho bà N1 235.500.000 đồng. Tổng cộng số tiền cho vay là 1.230.500.000 đồng. Hình thức là đưa bằng tiền mặt và còn lại chuyển khoản thành nhiều lần đến số tài khoản cá nhân của bà Huỳnh Bích N1, số tài khoản 750324456, tại ngân hàng M1. Cụ thể được ghi nhận theo sao kê của ngân hàng như sau:

- Lần 1: Ngày 30/03/2024, bà H đã chuyển khoản cho bà Bích N1 số tiền là: 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*), nội dung: Em N1 vay. Giao dịch này được ghi nhận theo Ủy nhiệm chi của Ngân hàng TMCP S (S1), mã tham chiếu số 619587726.

- Lần 2: Ngày 03/04/2024, bà H đã chuyển khoản cho bà Bích N1 số tiền là: 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*), nội dung: Co Hien chuyen T muon. Giao dịch này được ghi nhận theo Ủy nhiệm chi của Ngân hàng TMCP S (S1), mã tham chiếu số 621870274.

- Lần 3: Ngày 05/04/2024, bà H cho bà N1 mượn tổng cộng là 400.000.000 đồng (*bốn trăm triệu đồng*). Trong đó, bà H đưa cho bà B một khoản tiền mặt là 105.000.000 đồng (*một trăm lẻ năm triệu đồng*), còn lại chuyển khoản cho bà Bích N1 số tiền là: 295.000.000 đồng (*hai trăm chín mươi lăm triệu đồng*), nội dung: T ngọc muon tổng tiền mặt la 400 triệu. Giao dịch này được ghi nhận theo Ủy nhiệm chi của Ngân hàng TMCP S (S1), mã tham chiếu số 623027058.

- Lần 4: Ngày 07/04/2024, bà H đã chuyển khoản cho bà Bích N1 số tiền là: 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*), nội dung: D. Giao dịch này được ghi nhận theo Ủy nhiệm chi của Ngân hàng TMCP S (S1), mã tham chiếu số 623860003.

- Lần 5: Ngày 11/04/2024, bà H đã chuyển khoản cho bà Bích N1 số tiền là: 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*), nội dung: Co Hien chuyen tien T muon. Giao dịch này được ghi nhận theo Giấy báo nợ của Ngân hàng TMCP Đ.

- Lần 6: Ngày 16/04/2024, bà H đã chuyển khoản cho bà Bích N1 số tiền là: 47.500.000 đồng (*bốn mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng*), nội dung: Co Hien chuyen tien T muon. Giao dịch này được ghi nhận theo Giấy báo nợ của Ngân hàng TMCP Đ.

- Lần 7: Ngày 17/04/2024, bà H đã chuyển khoản cho bà Bích N1 số tiền là: 100.000.000 đồng (*một trăm triệu ngàn đồng*), nội dung: Co Hien chuyen tien T muon. Giao dịch này được ghi nhận theo Giấy báo nợ của Ngân hàng TMCP Đ.

- Lần 8: Ngày 23/04/2024, bà H đã chuyển khoản cho bà Bích N1 số tiền là: 63.000.000 đồng (*Bằng chữ: sáu mươi ba triệu đồng*), nội dung: Co Hien chuyen tien T muon. Giao dịch này được ghi nhận theo Giấy báo nợ của Ngân hàng TMCP Đ.

- Lần 9: Ngày 27/04/2024, bà H đã chuyển khoản cho bà Bích N1 số tiền là: 70.000.000 đồng (*Bằng chữ: bảy mươi triệu đồng*), nội dung: Day 200 trieu con lay lai. Giao dịch này được ghi nhận theo Ủy nhiệm chi của Ngân hàng TMCP S (S1), mã tham chiếu số 634470684.

- Lần 10: Ngày 29/04/2024, bà H đã chuyển khoản cho bà Bích N1 số tiền là: 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*), nội dung: Ngoc muon 20 ngay tra. Giao dịch này được ghi nhận theo Ủy nhiệm chi của Ngân hàng TMCP S (S1), mã tham chiếu số 635755331.

- Thêm đó, vào ngày 03/04/2024 và ngày 11/04/2024, để thêm đảm bảo việc vay bà H và bà Bích N1 có giao kết bằng Hợp đồng vay tiền, có chữ ký, điểm chỉ xác nhận của hai bên, cụ thể:

- Hợp đồng vay tiền ngày 03/04/2024, có nội dung: Tôi cho bà Bích N1 vay 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*), thời hạn vay từ ngày 03/04/2024 đến ngày 03/05/2024, lãi suất vay 1,5%/tháng, số tiền này được chuyển khoản theo sao kê chuyển khoản nêu trên.

- Hợp đồng vay tiền ngày 11/04/2024, có nội dung: Tôi cho bà Bích N1 vay 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*), thời hạn vay từ ngày 11/04/2024 đến ngày 11/05/2024, lãi suất vay 1,5%/tháng, số tiền này được chuyển khoản theo sao kê chuyển khoản nêu trên.

Đến hạn ngày trả nợ, bà H không thấy bà Bích N1 thực hiện theo đúng cam kết nên bà khởi kiện bà N1 những nội dung như sau:

- Buộc bà Huỳnh Bích N1 phải hoàn trả lại cho bà H toàn bộ số tiền bà N1 đã vay là 1.230.500.000 đồng.

- Buộc bà Huỳnh Bích N1 trả lãi theo Hợp đồng vay tiền đã ký kết, đối với hai khoản vay. Tạm tính tổng cộng là 18.000.000 đồng.

+ Hợp đồng vay tiền ngày 03/04/2024: Thời gian tạm tính từ ngày 03/04/2024 đến ngày 03/08/2024 (04 tháng), với số tiền vay 100.000.000 đồng, với lãi suất 1,5%/tháng. Tạm tính $100.000.000 \times 1,5\% \times 04 \text{ tháng} = 6.000.000$ đồng.

+ Hợp đồng vay tiền ngày 11/04/2024: Thời gian tạm tính từ ngày 11/04/2024 đến ngày 11/08/2024 (04 tháng), với số tiền vay 200.000.000 đồng, với lãi suất 1.5%/tháng. Tạm tính $200.000.000 \times 1.5\% \times 04 \text{ tháng} = 12.000.000$ đồng.

Như vậy, tổng số tiền bà H yêu cầu bà N1 thanh toán là 1.248.500.000 đồng (*Bằng chữ: một tỷ hai trăm bốn mươi tám triệu năm ngàn đồng*).

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Đơn khởi kiện; Hợp đồng vay tiền ngày 03/4/2024 (bản sao); Hợp đồng vay tiền ngày 11/4/2024 (bản sao); các ủy nhiệm chi của ngân hàng S1 (bản photo đóng mộc treo của ngân hàng); Giấy báo nợ ngân hàng B1 (bản photo đóng mộc treo của ngân hàng); Giấy ủy quyền ngày 16/8/2024 (bản chính).

*** Ý kiến của bị đơn:**

Trong quá trình tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho bà N1 biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng bà N1 vắng mặt không có lý do.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:**

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử cho phiên tòa được tiếp tục để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Về thủ tục tố tụng, không kiến nghị bổ sung hay đề nghị khắc phục. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là cố tình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Theo đơn khởi kiện ngày 16/8/2024, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán 1.248.500.000 đồng. Căn cứ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, việc xác định tư cách tham gia tố tụng là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Bị đơn bà N1 có hộ khẩu thường trú và cư trú tại huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng và quan hệ pháp luật tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xem xét chứng cứ nguyên đơn cung cấp thấy rằng: Hợp đồng vay tiền ngày 03/04/2024 vay 100.000.000 đồng và hợp đồng vay tiền ngày 11/04/2024 vay 200.000.000 đồng, nguyên đơn cung cấp là bản chính có chữ ký xác nhận nợ của bị đơn. Các ủy nhiệm chi ngày 30/3/2024, ngày 03/4/2024, ngày 05/4/2024, ngày 07/4/2024, ngày 27/4/2024, ngày 29/4/2024, giấy báo nợ ngày 11/4/2024, ngày 16/4/2024, ngày 17/4/2024, ngày 23/4/2024 có xác nhận của Ngân hàng TMCP S và Ngân hàng TMCP Đ thể hiện bà H có chuyển tiền vay cho bà N1 qua số tài khoản của bà N1 750324456 với số tiền 1.230.500.000 đồng. Nội dung chuyển khoản có thể hiện việc vay mượn tiền. Tại văn bản cung cấp thông tin của Ngân hàng T1 – Chi nhánh B2 xác nhận số tài khoản 750324456 là của bà Huỳnh Bích N1. Điều này thể hiện bị đơn bà N1 có vay và có nhận số tiền trên. Nguyên đơn bà H nhiều lần yêu cầu bà N1 trả nợ nhưng bà N1 không thực hiện. Hiện nay, khoản vay đã quá hạn, bà N1 chưa thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Quá trình thực hiện tố tụng giải quyết vụ án, bị đơn bà N1 được Tòa án triệu tập, tổng đạt trực tiếp và niêm yết hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt không tham gia các buổi làm việc, buổi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử để có ý kiến về số nợ của nguyên đơn yêu cầu. Điều này thể hiện bà N1 cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của bà H được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tổng số tiền bà N1 phải thanh toán là 1.230.500.000 đồng tiền gốc.

[6] Về lãi suất: Hợp đồng vay tiền ngày 03/04/2024 và ngày 11/4/2024 có thể hiện lãi suất là 1,5%/tháng nên yêu cầu tính lãi từ ngày vay của bà H được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự. Cụ thể: Hợp đồng vay tiền ngày 03/04/2024: Thời gian tạm tính từ ngày 03/04/2024 đến ngày 03/08/2024 (04 tháng), với số tiền $100.000.000 \times 1.5\% \times 04 \text{ tháng} = 6.000.000$ đồng. Hợp đồng vay tiền ngày 11/04/2024: Thời gian tạm tính từ ngày 11/04/2024 đến ngày 11/08/2024 (04 tháng), với số tiền $200.000.000 \times 1.5\% \times 04 \text{ tháng} = 12.000.000$ đồng. Tổng tiền lãi là 18.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi từ tháng 8/2024 đến nay đối với hai khoản vay trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với lãi suất trong quá trình thi hành án sau này thì nguyên đơn thống nhất chỉ yêu cầu lãi suất 10%/năm theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[8] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến về phần các thủ tục tố tụng, diễn biến tại phiên tòa và nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Bà N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, 469, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Nguyễn Diệu H đối với bà Huỳnh Bích N1.

Buộc bà Huỳnh Bích N1 phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Diệu H số tiền 1.248.500.000 đồng (một tỷ hai trăm bốn mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

2.1. Bà Huỳnh Bích N1 phải chịu 49.455.000 đồng (bốn mươi chín triệu bốn trăm năm mươi lăm ngàn đồng).

2.2. Hoàn trả cho bà Nguyễn Diệu H số tiền 24.727.500 đồng (hai mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000490 ngày 24/9/2024 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/3/2025).

- Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Quyền thi hành án: Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Nam

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lệ Mỹ Nguyễn Thị Kim Phi

Nguyễn Tuấn Nam

